TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LỮ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đô và ông Lê Khánh Thịnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên;

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19/4/2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/8/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 296/2023/TB-TA, ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 2000 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn B T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (con chung của chị M, anh Q): Cháu Vũ Khả H, sinh ngày 03/10/2019, hiện đang do chị M nuôi dưỡng.

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Anh Vũ Văn Q và chị H1 Lê Thị M - Là bố, mẹ đẻ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị M *trình bày:*

Chị và anh Vũ Văn Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 31/7/2019. Quá trình chung sống, chị thấy anh Q có bản tính ham mê bài bạc, chơi lô đề dẫn đến nợ nần; bên cạnh đó anh Q sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con. Từ khi chị kết hôn với anh Q đến tháng 10/2020, số lần anh Q về nhà với gia đình, vợ con chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Trước khi làm

đơn ra Tòa án, chị cũng đã liên lạc với anh Q, thông báo với anh Q về việc chị sẽ làm đơn ly hôn và anh Q cũng nhất trí ly hôn. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Q đã trầm trọng, hai bên có nhiều quan điểm, suy nghĩ bất đồng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn Q.

Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Vũ Khả H, sinh ngày 03/10/2019, hiện đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Chị xác định giữa chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2023, bị đơn anh Vũ Văn Q *trình bày:*

Anh và chị M tìm hiểu khoảng 01 năm thì tự nguyện về chung sống với nhau, sau một thời gian mới đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 31/7/2019. Sau khi kết hôn, chị M về ở với mẹ anh tại T, T, còn anh đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Trước khi chị M sinh con, vợ chồng đã bàn bạc, thống nhất để chị M về bên ngoại sinh con, nhờ ông bà ngoại chăm sóc. Do anh đi làm thuê cho đơn vị làm biển quảng cáo nên thường xuyên vắng nhà, không có nhiều thời gian dành cho gia đình, vợ con; bên cạnh đó anh còn phải phụng dưỡng mẹ già sinh sống ở quê, bị bệnh nặng thường xuyên phải đi viện nên thời gian qua giữa anh và chị M xảy ra nhiều mâu thuẫn liên quan đến việc chọn nơi sinh sống, công việc, cũng như việc chăm sóc gia đình. Đến nay vợ chồng bất đồng quan điểm, chị M cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa nên muốn ly hôn thì anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu, nguyện vọng của chị M.

Anh và chị M có một con chung như chị M trình bày là đúng. Anh đồng ý với quan điểm của chị M về việc để chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung vì cháu còn nhỏ, hơn nữa anh thường xuyên phải đi làm xa ở các tỉnh, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc. Chị M không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi chung, anh cũng nhất trí và anh sẽ có trách nhiệm với con theo theo khả năng, điều kiện của mình.

Anh xác định giữa anh và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị D - là mẹ đẻ của anh Q xác nhận anh Q và chị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, chị M và anh Q không chung sống cùng bà và gia đình do điều kiện công việc và mong muốn được ở bên ngoại của chị M. Thời gian qua bà có biết anh Q và chị M xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân do vợ chồng không thống nhất được việc lựa chọn nơi ở. Bà đã động viên anh Q, chị M về đoàn tụ để nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Nay bà tôn trọng quyết định của chị M và anh Q.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử, do hoàn cảnh chị M ở xa, anh Quân công v làm di chuyển ở nhiều tỉnh khác nhau nên điều kiện đi lại khó khăn, cả anh Q và chị M đều có đơn xin vắng mặt từ chối phiên họp, phiên hòa giải theo thủ tục tố tụng nên Tòa án không tiến hành phiên họp, phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M và giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Vũ Văn Q

- Về con chung: Giao cháu Vũ Khả H, sinh ngày 03/10/2019 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị M và anh Q đều xác định không có tài sản nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Văn Q, đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; anh Q cư trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉn H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn (chị M) và bị đơn (anh Q) đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Vũ Văn Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 31/7/2019, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Q là hợp pháp.

Qua lời khai của chị M, anh Q và lời khai của đại diện gia đình thì thấy cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh Q thời gian qua, không còn tồn tại, không có cuộc sống chung. Nguyên nhân là do anh Q thường xuyên đi làm xa, ít quan tâm đến gia đình, vợ con, giữa hai anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong việc lựa chọn nơi ở. Như vậy đã từ lâu anh Q và chị M sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau là căn cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Q đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được; chị M

xin ly hôn anh Q, anh Q cũng nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn này để chấm dứt quan hệ hôn nhân, hai bên sớm ổn định cuộc sống là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị M và anh Q có 01 con chung là cháu Vũ Khả H, sinh ngày 03/10/2019, hiện đang ở với chị M. Ly hôn, chị M xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Ly hôn, anh Q nhất trí để chị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh sẽ tự cấp dưỡng theo khả năng, điều kiện của anh.

Xét thấy quan điểm về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung của chị M và anh Q là tự nguyện, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của chị M và anh Q hiện nay nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này, theo đó sẽ giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Khả H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con; anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản:

Chị M và anh Q đều khẳng định không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Vũ Văn Q.

2. Về con chung: Chị M và anh Q có 01 con chung là cháu Vũ Khả H, sinh ngày 03/10/2019, hiện đang do chị M nuôi dưỡng.

Giao cho chị Lê Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Khả H, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Q và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị M *và anh* Q *có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.*

3. Về tài sản: Không có, không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004675 ngày 19/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của chị Lê Thị M, anh Vũ Văn Q tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ;
- UBND xã T (ĐKKH số 40/2019, ngày 31/7/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thương